

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng 12, quý IV và năm 2021
Tỉnh Sóc Trăng

Năm 2021, kinh tế - xã hội diễn ra trong bối cảnh dịch COVID-19 với biến chủng mới diễn biến phức tạp, mức độ nguy hiểm hơn. Chính phủ các nước triển khai mạnh mẽ tiêm chủng vắc-xin phòng chống dịch và các gói hỗ trợ để phục hồi kinh tế. Trong nước, dịch COVID-19 xuất hiện trở lại tại các địa phương từ cuối tháng 4 năm 2021 và diễn biến phức tạp ở nhiều địa phương đặc biệt ở các tỉnh trọng điểm kinh tế đã tác động không tốt đến kết quả sản xuất, kinh doanh, đời sống dân cư, tình hình xã hội của các địa phương.

Trong năm 2021, tỉnh Sóc Trăng cũng như các tỉnh trong cả nước chịu ảnh hưởng rất nặng nề do đại dịch COVID-19 trên tất các lĩnh vực, nhưng với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh tổ chức triển khai đồng bộ nhiều giải pháp phát triển kinh tế - xã hội. Kết quả đạt được trên các lĩnh vực như:

1. Tăng trưởng kinh tế

1.1. Tốc độ tăng trưởng

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2021 theo giá so sánh 2010 ước tăng 1,18% so với năm 2020. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,22%, đóng góp 0,10 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung của tỉnh; khu vực công nghiệp, xây dựng tăng 4,32%, đóng góp 0,72 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 0,77%, đóng góp 0,27 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 2,82%, đóng góp 0,09 điểm phần trăm.

	Tốc độ tăng (%)	Đóng góp vào tăng trưởng (%)
GRDP	1,18	1,18
- Khu vực I	0,22	0,10
- Khu vực II	4,32	0,72
- Khu vực III	0,77	0,27
- Thuế SP trừ trợ cấp SP	2,82	0,09

Năm 2021 GRDP tỉnh tăng 1,18%, tuy thấp hơn so với mức tăng của năm 2020 nhưng vẫn duy trì được mức tăng trưởng, nền kinh tế tỉnh có dấu hiệu phục hồi tuy phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, khó lường làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực đều chậm lại.

- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,22% so với năm 2020, do ảnh hưởng của thời tiết đến tình hình sản xuất nông nghiệp, tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm đã ảnh hưởng đến người chăn nuôi, giá heo giống cao người dân ngại đầu tư tái sản xuất trở lại làm cho ngành nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên

quan giảm 1,42% so với cùng kỳ; Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan chỉ tăng 0,55%; Ngành khai thác và nuôi trồng thủy sản tăng 2,99%.

- Khu vực công nghiệp, xây dựng tăng 4,32% so với năm trước, đóng góp 0,72 điểm phần trăm vào mức tăng chung của tỉnh. Trong đó, ngành công nghiệp tăng 0,28% so với cùng kỳ. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo không tăng, do gặp nhiều khó khăn về nguồn nguyên liệu, thị trường tiêu thụ bởi dịch bệnh COVID-19. Ngành xây dựng duy trì ở mức tăng trưởng cao 13,33% bởi Sóc Trăng tiếp tục thực hiện các dự án điện gió với mức đầu tư lớn.

- Khu vực dịch vụ tổng tăng 0,77% so với năm trước, đây là khu vực chịu tác động mạnh nhất do COVID-19, đã ảnh hưởng đến hoạt động thương mại, dịch vụ và xuất nhập khẩu, khách sạn nhà hàng, dịch vụ lưu trú ăn uống trên địa bàn tỉnh. Dịch COVID-19 hiện vẫn đang diễn biến phức tạp, làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng tới các ngành thương mại, du lịch, vận tải và xuất nhập khẩu, doanh nghiệp rơi vào tình trạng thiếu nguyên liệu sản xuất, thu hẹp quy mô và tạm dừng hoạt động. Một số ngành bị ảnh hưởng nghiêm trọng đã làm giảm tốc độ tăng trưởng của ngành như Vận tải kho bãi giảm 10,90%; Nghệ thuật vui chơi và giải trí giảm 15,28%; Hoạt động dịch vụ khác giảm 12,71%; Dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 9,50% so với năm 2020.

1.2. Cơ cấu kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa tỉnh (GRDP) năm 2021 theo giá hiện hành tương ứng với các khu vực kinh tế: (I) khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản chiếm 44,78%; (II) khu vực Công nghiệp và Xây dựng chiếm 15,11%; (III) khu vực Dịch vụ chiếm 36,72% và Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 3,39%.

	Năm 2020	Ước năm 2021
TỔNG SỐ (%)	100,00	100,00
- Khu vực I	45,06	44,78
- Khu vực II	14,52	15,11
- Khu vực III	37,08	36,72
- Thuế SP trừ trợ cấp SP	3,34	3,39

Cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp thủy sản và dịch vụ giảm nhẹ, tỷ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng nhẹ.

- Khu vực I trong các năm gần đây, sản lượng lúa giảm, không còn tăng như các năm trước. Bên cạnh đó, năm 2020 và năm 2021 sản lượng mía, hành tím giảm trong khi giá trị sản xuất của 2 sản phẩm này chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng giá trị sản xuất của ngành trồng trọt. Diện tích lúa, mía giảm chuyển sang trồng cây lâu năm chỉ mới bắt đầu, chưa cho thu hoạch nên không có giá trị sản xuất trong thời gian này. Riêng cuối năm 2020 và năm 2021, diện tích trồng hoa màu không tăng, có xu hướng giảm vì sản phẩm thu hoạch không có nơi tiêu thụ vì tác động của dịch COVID-19.

- Qua hai năm chịu ảnh hưởng COVID-19, thị trường bán lẻ bắt đầu hình thành hình thức mới bán hàng online phát triển khá mạnh, trong khi tiểu thương

của tỉnh Sóc Trăng chưa theo kịp xu thế này, hàng hóa tiêu thụ trên địa bàn tỉnh nhưng người bán là tỉnh khác, kể cả nước khác. Một số lĩnh vực trong khu vực III giảm sâu liên tục trong năm 2020 và năm 2021 là dịch vụ ăn uống, lưu trú, vận tải hành khách, hoạt động vui chơi, giải trí, ... Mặc dù lĩnh vực bán buôn và bán lẻ vẫn duy trì tăng trưởng trên 6% nhưng không bù đắp được mức sụt giảm của các lĩnh vực nêu trên.

1.3. GRDP bình quân đầu người:

Năm	GRDP bình quân đầu người (ngàn đồng/người)	GRDP bình quân đầu người (USD/người)
2020	45.948	1.971
2021	47.331	2.031

Tổng sản phẩm bình quân đầu người theo giá hiện hành năm 2021 ước tính đạt 47.331 ngàn đồng/người (tăng 1.383 ngàn đồng/người so với năm 2020). Theo tỷ giá hối đoái thì tổng sản phẩm bình quân đầu người năm 2021 ước đạt 2.031 USD/người tăng 59 USD/người so với năm trước.

1.4. Hiệu quả 1 đồng giá trị tăng thêm theo giá hiện hành

Năm 2021 để tạo ra một đồng giá trị tăng thêm cần 1,511 đồng chi phí trung gian. Hệ số chi phí trung gian trên giá trị tăng thêm theo từng khu vực:

Để tạo ra một đồng giá trị tăng thêm thì Khu vực I cần 1,224 đồng chi phí trung gian; Khu vực II cần 4,521 đồng chi phí trung gian; Khu vực III cần 0,622 đồng chi phí trung gian. Như vậy hệ số chi phí trung gian của khu vực II là cao nhất cho thấy ở khu vực này chi phí sản xuất sản phẩm công nghiệp, xây dựng cao như chi phí về tiền lương, nguyên nhiên vật liệu..., điều này cũng phù hợp với thực tế. Khu vực III hệ số chi phí trung gian thấp nhất cho thấy ở khu vực này giá cả ổn định, chỉ số giá có ngành giảm so với năm trước, nguồn cung đáp ứng đủ nhu cầu của xã hội.

2. Tài chính, ngân hàng

2.1. Tài chính

Ước tổng thu NSNN năm 2021 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng 4.452 tỷ đồng, vượt 19,78% dự toán năm 2021; tăng 2,51% so với năm trước; trong đó, thu nội địa 4.232 tỷ đồng, vượt 15,57% dự toán. Tổng chi trong cân đối 11.520 tỷ đồng, vượt 27,35% dự toán, giảm 5,68% so với năm trước. Trong đó, chi đầu tư phát triển 4.066 tỷ đồng, vượt 63,31% so với dự toán và giảm 1,82% so với năm trước; chi thường xuyên 7.274 tỷ đồng, vượt 14,03% dự toán, giảm 9,88% so với năm trước. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề 3.092 tỷ đồng, chiếm 36,48% tổng chi thường xuyên, vượt 6,82% dự toán và tăng 9,10% so với năm trước. Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể 1.715 tỷ đồng, chiếm 20,24% tổng chi thường xuyên, vượt 11,43% dự toán và tăng 26,13% so với năm trước. Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình 1.400 tỷ đồng, chiếm 16,52% tổng chi thường xuyên, vượt 89,73% dự toán và tăng 9,24% so với năm trước. Chi sự nghiệp kinh tế 1.101 tỷ đồng, chiếm 13% tổng chi thường xuyên, vượt 50,87% dự toán và tăng 12,76% so với năm trước.

2.2. Hoạt động ngân hàng

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Sóc Trăng năm 2021 đã kịp thời chỉ đạo các TCTD triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch, tích cực triển khai cho vay trả lương ngừng việc, cho vay trả lương phục hồi sản xuất đối với người sử dụng lao động, tiếp tục triển khai các giải pháp cơ cấu nợ, giảm lãi suất cho vay trên dư nợ hiện hữu, cho vay mới với lãi suất thấp hơn từ 0,1-2%/năm đối với khách hàng so với thời điểm trước khi có dịch.

Vốn huy động trên địa bàn ước đến 31/12/2021 đạt 35.247,9 tỷ đồng tăng 5% so với cuối năm 2020; trong đó, số dư tiền gửi tiết kiệm là 28.490 tỷ đồng chiếm 83,8%; tiền gửi thanh toán là 4.620,2 tỷ đồng chiếm 13,6%; tiền gửi kỳ phiếu là 899,3 tỷ đồng chiếm 2,6%. Vốn huy động 34.009,5 tỷ đồng thì tiền gửi trên 12 tháng là 13.060,1 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 38,4%; tiền gửi ngoại tệ là 292,7 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 0,86%. Theo cơ cấu thì nhóm TCTD nhà nước có vốn chi phối của Nhà nước chiếm 57,1%; TCTD cổ phần chiếm 39,9%; các QTDND chiếm 3% thị phần. Kéo theo tự lực vốn tại chỗ đáp ứng được 71,04% so tổng dư nợ, phần chênh lệch vốn huy động tại chỗ so với tổng dư nợ, hầu hết các chi nhánh ngân hàng phải vay từ trụ sở chính của hệ thống mình nhằm bổ sung cho nguồn vốn tại chỗ để cho vay phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Đơn vị có vốn huy động cao nhất là Ngân hàng Nông nghiệp & PTNNT tỉnh Sóc Trăng 9.658,9 tỷ đồng chiếm 28,4%; đơn vị có vốn huy động thấp nhất là Ngân hàng TMCP Đông Á là 207,2 chiếm 0,6%.

Tổng dư nợ 49.500 tỷ đồng, tăng 9% so với cuối năm 2020, tương đương 4.087,2 tỷ đồng; trong đó, dư nợ nội tệ là 45.502 tỷ đồng chiếm 91,2%, dư nợ ngoại tệ 3.998 tỷ đồng, chiếm 8,8% trong tổng dư nợ; tính theo hạn cho vay thì dư nợ cho vay ngắn hạn 30.807,7 tỷ đồng, dư nợ cho vay trung dài hạn là 18.692,3 tỷ đồng, chiếm 39,3% so với tổng dư nợ.

Nợ xấu ước tính năm 2021 là 1.005 tỷ đồng, chiếm 2,0% so tổng dư nợ. Nợ xấu chủ yếu tập trung vào các đối tượng cho vay, nuôi trồng thủy sản (đặc biệt là nuôi tôm), chế biến thủy sản, chăn nuôi gia súc và các hộ nghèo, đối tượng chính sách, doanh nghiệp và hộ sản xuất sử dụng vốn không hiệu quả, sản xuất kinh doanh bị thua lỗ nên không có khả năng trả nợ.

3. Chỉ số giá

3.1. Chỉ số giá tiêu dùng

- So với tháng trước: Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2021 nhìn chung ổn định, mức tăng không đáng kể so với tháng trước (tăng 0,06%; trong đó, khu vực thành thị tăng 0,02%; khu vực nông thôn tăng 0,09%). Trong 11 nhóm hàng chủ yếu, có 07 nhóm giá tăng (tăng cao nhất là 0,49% ở nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống; các nhóm còn lại có mức tăng từ 0,01% đến 0,18%); 03 nhóm tương đương so với tháng trước và nhóm giao thông giảm (do giá xăng dầu giảm).

- So với tháng 12 năm trước (cùng tháng năm trước): Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2021 tăng 2,1% (khu vực thành thị tăng 1,96 %; khu vực nông thôn tăng 2,18%). Chỉ số giá tháng này tăng so với tháng cùng kỳ chủ yếu do giá một số mặt hàng lương thực, hàng phi lương thực, thực phẩm, xăng dầu các loại,... tăng.

- Bình quân cùng kỳ: Chỉ số giá tiêu dùng năm 2021 so với bình quân cùng kỳ tăng 2,55% (khu vực thành thị tăng 2,97%; khu vực nông thôn tăng 2,31%), bình quân mỗi tháng tăng 0,21%. Chỉ số giá năm nay có tốc độ tăng tương đối thấp (năm 2019 tăng 3,39%, năm 2020 tăng 4,4%). Giá tiêu dùng các tháng trong năm tăng, giảm chủ yếu do tác động của giá lương thực, thực phẩm, giá xăng, dầu, vật liệu xây dựng,... Riêng giá dịch vụ giáo dục giảm do không thu học phí có thời hạn (học kỳ I năm 2021-2022) thực hiện theo Nghị quyết số 152/NQ-HĐND, ngày 01/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Trong 11 nhóm hàng chủ yếu, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,29% (chủ yếu nhóm lương thực tăng 10,21% do giá gạo, khoai lang, khoai mì tăng); nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,7%; nhóm giao thông tăng 13,11% (do giá xăng dầu trong năm 2021 tăng; mặt khác, giá xăng dầu năm 2020 giảm mạnh); nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 2,8% do giá vàng tăng; các nhóm hàng đồ uống và thuốc lá, nhóm may mặc, mũ nón, giày dép, thiết bị và đồ dùng gia đình, thuốc và dịch vụ y tế tăng thấp trên dưới 1%.

3.2. Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

- Chỉ số giá vàng: giảm 0,55% so với tháng trước. So với tháng 12/2020, giá vàng giảm 2,71% và tăng 6,21 % so với bình quân năm 2020.

- Chỉ số giá đô la Mỹ: trong tháng, giá USD bình quân là 23.038 VND/USD, tăng 1,14%, bằng 259 đồng/USD so với tháng trước. So với cùng tháng năm trước giảm 0,78% và so với bình quân năm trước giảm 1,14%.

4. Đầu tư phát triển và xây dựng

4.1. Vốn đầu tư phát triển

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, cũng như mời gọi thu hút đầu tư, thời gian qua, tỉnh Sóc Trăng đã tập trung huy động các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh ngày càng hoàn thiện, phục vụ tốt hơn cho việc đi lại, sinh hoạt, làm việc, vận chuyển hàng hóa, giao thương của người dân và doanh nghiệp, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Ước thực hiện vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh quý IV/2021 là 6.082,59 tỷ đồng, tăng 31,16% so với quý trước và tăng 18,26% so với quý cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư thực hiện quý IV/2021 tăng mạnh do quý III/2021 các hoạt động đầu tư, xây dựng chững lại vì chịu ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19.

Ước vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh năm 2021 là 18.952,43 tỷ đồng, tăng 17,69% so với năm trước, trong đó, đầu tư xây dựng cơ bản chiếm 74% (cùng kỳ chiếm 74,51%); sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định chiếm 19,06% (cùng kỳ chiếm 16,89%); còn lại là vốn mua sắm tài sản cố định, bổ sung vốn lưu động và đầu tư khác.

Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện ước năm 2021 chiếm tỷ lệ 33,18% so với Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh. Chia ra, Vốn đầu tư từ nguồn vốn nhà nước chiếm tỷ lệ 9,97%; Vốn đầu tư từ nguồn vốn ngoài nhà nước chiếm tỷ lệ 21,30%; Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm tỷ lệ 1,91%.

- Vốn đầu tư từ nguồn vốn nhà nước trên địa bàn ước thực hiện quý IV/2021 là 2.214,18 tỷ đồng, tăng 91,58% so với quý trước và tăng 19,63% so với quý cùng

kỳ năm trước. Trong đó, vốn trung ương quản lý 109,61 tỷ đồng, tăng 27,35% so với quý trước và tăng 79,12% so với quý cùng kỳ năm trước; vốn địa phương quản lý 2.104,57 tỷ đồng, tăng 96,75 lần so với quý trước và tăng 17,6% so với quý cùng kỳ năm trước.

Ước vốn đầu tư từ nguồn vốn nhà nước trên địa bàn năm 2021 là 5.695,22 tỷ đồng, tăng 24,03% so với năm trước. Trong đó, vốn trung ương quản lý ước thực hiện 288,03 tỷ đồng, giảm 6,75% so với năm trước; Vốn đầu tư do địa phương quản lý ước thực hiện 5.407,18 tỷ đồng, giảm 6,75% so với năm trước.

- Vốn đầu tư từ nguồn vốn ngoài nhà nước ước thực hiện quý IV/2021 là 3.643,45 tỷ đồng, tăng 12,24% so với quý trước và tăng 16,67% so với quý cùng kỳ năm trước (trong đó, vốn đầu tư của tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước thực hiện 1.775,27 tỷ đồng, tăng 56,69% so với quý cùng kỳ năm trước; vốn đầu tư của dân cư 1.868,18 tỷ đồng, giảm 6,12% so với quý cùng kỳ năm trước).

Ước năm 2021 là 12.165,59 tỷ đồng, tăng 20,33% so với năm trước (trong đó, vốn đầu tư của tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước thực hiện 5,484 tỷ đồng, tăng 81,33%; vốn đầu tư của dân cư 6.681,59 tỷ đồng, giảm 5,71% so với năm trước).

- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước thực hiện quý IV/2021 là 224,96 tỷ đồng, giảm 4,52% so với quý trước và tăng 32,4% so với quý cùng kỳ năm trước. Ước năm 2021 là 1.091,62 tỷ đồng, tăng 3,54 lần so với năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2021 tăng mạnh so với năm trước do một số dự án tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư.

Tính đến quý IV/2021, trên địa bàn tỉnh thống kê một số công trình, dự án có năng lực mới tăng chủ yếu trong năm 2021 như: Dự án xây dựng xưởng may Công ty TNHH Broadpeak Sóc Trăng có tổng mức đầu tư dự án là 118,79 tỷ đồng; Dự án Xưởng may vật tư tiêu hao y tế và đồ bảo hộ lao động có tổng mức đầu tư 91,92 tỷ đồng; Dự án nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng, có tổng mức đầu tư 1.420 tỷ đồng, công suất 30 MW/năm; Dự án nhà máy điện gió số 7 có tổng mức đầu tư 1.456,5 tỷ đồng, công suất 29,4 MW/năm; 1 phần nhà máy điện gió Lạc Hòa giai đoạn 1 có tổng mức đầu tư 1.299,5 tỷ đồng, công suất 25/30 MW/năm; 1 phần nhà máy điện gió Hòa Đông giai đoạn 2, có tổng mức đầu tư 3.168 tỷ đồng, công suất 26,4/72 MW/năm; Dự án Xây dựng công, trạm bơm và hệ thống thủy lợi khẩn cấp để phòng, chống hạn, xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng có tổng mức đầu tư là 150 tỷ đồng. Ngoài ra, các dự án thuộc ngành công nghiệp; dự án nhiệt điện và dự án điện gió khởi công năm 2018, 2019, 2020 đang được tiếp tục thực hiện.

4.2. Xây dựng

Giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá hiện hành của tỉnh ước năm 2021 là 12.433,71 tỷ đồng, tăng 17,92% so với năm trước (trong đó, giá trị nhập khẩu máy móc, thiết bị để lắp đặt cho các công trình điện gió đến hết tháng 11/2021 là 2.063,87 tỷ đồng).

- Khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước: ước thực hiện quý IV/2021 là 1.823,04 tỷ đồng, tăng 8,39% so với quý trước và tăng 36,07% so với quý cùng kỳ năm trước. Ước năm 2021 đạt 5.823,21 tỷ đồng, tăng 47,58% so với năm trước.

- Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: trên địa bàn tỉnh không có doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có ngành hoạt động chính trong lĩnh vực xây dựng. Giá trị sản xuất xây dựng phân theo loại hình này do các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của các tỉnh khác thi công trên địa bàn tỉnh.

- Giá trị sản xuất xây dựng khu vực xã, phường, thị trấn và hộ dân cư ước thực hiện quý IV/2021 là 1.832,56 tỷ đồng, tăng 29,98% so với quý trước và tăng 2,3% so với quý cùng kỳ năm trước (trong đó, khu vực xã, phường, thị trấn thực hiện quý IV/2021 ước tính đạt 77,11 tỷ đồng, tăng 28,59% so với quý trước và tăng 26,67% so với quý cùng kỳ năm trước; khu vực hộ dân cư thực hiện quý IV/2021 ước tính đạt 1.755,45 tỷ đồng, tăng 30,04% so với quý trước và tăng 1,44% so với quý cùng kỳ năm trước). Ước năm 2021 đạt 6.426,4 tỷ đồng, giảm 2,57% so với năm trước (trong đó, khu vực xã, phường, thị trấn thực hiện ước tính đạt 245,73 tỷ đồng, tăng 27,27% so với năm trước; khu vực hộ dân cư thực hiện ước tính đạt 6.180,67 tỷ đồng, giảm 3,47% so với năm trước)

Ước giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá so sánh năm 2010 trên địa bàn tỉnh quý IV/2021 đạt 2.433,82 tỷ đồng, tăng 18,12% so với quý trước và tăng 13,74% so với quý cùng kỳ năm trước. Ước năm 2021 đạt 8.293,82 tỷ đồng, tăng 14,55% so với năm trước. Cụ thể, chia theo loại hình công trình:

- Công trình nhà ở thực hiện quý IV/2021 ước tính 1.155,29 tỷ đồng, tăng 15,76% so với quý trước và tăng 1,23% so với quý cùng kỳ năm trước. Ước năm 2021 đạt 4.329,2 tỷ đồng, tăng 1,79% so với năm trước.

- Công trình nhà không ở thực hiện quý IV/2021 ước tính 616,74 tỷ đồng, tăng 22,73% so với quý trước và tăng 4,74% so với quý cùng kỳ năm trước. Ước năm 2021 đạt 1.956,7 tỷ đồng, tăng 13,62% so với năm trước.

- Công trình kỹ thuật dân dụng thực hiện quý IV/2021 ước tính 584,43 tỷ đồng, tăng 18,14% so với quý trước và tăng 72,76% so với quý cùng kỳ năm trước. Ước năm 2021 đạt 1.781,03 tỷ đồng, tăng 65,46% so với năm trước.

- Công trình xây dựng chuyên dụng thực hiện quý IV/2021 ước tính 77,37 tỷ đồng, tăng 18,6% so với quý trước và tăng 8,3% so với quý cùng kỳ năm trước. Ước năm 2021 đạt 226,9 tỷ đồng, tăng 20,27% so với năm trước.

Theo kết quả khảo sát các doanh nghiệp xây dựng nhận định tình hình sản xuất kinh doanh quý IV/2021: có 47,96% doanh nghiệp nhận định tình hình sản xuất kinh doanh thuận lợi hơn; 10,2% giữ ổn định và 41,84% doanh nghiệp đánh giá khó khăn hơn so với quý trước.

5. Tình hình phát triển doanh nghiệp

Tiếp tục xác định cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ thực hiện thủ tục giải quyết khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư, tính từ đầu năm đến nay Tỉnh đã tiếp và làm việc với 70 lượt nhà đầu tư đến tìm hiểu, đăng ký thực hiện các dự án đầu tư, qua đó đã cấp đăng ký đầu tư cho 16 dự án (giảm 05 dự án so cùng kỳ năm 2020) với tổng vốn đăng ký là 26.621 tỷ đồng (tăng 23,24% so cùng kỳ), trong đó dự án ngoài khu công nghiệp là 08 dự án, vốn đăng ký là 26.073,3 tỷ đồng. Theo

kết quả xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2020 đạt 62,34 điểm, giảm 1,36 điểm so năm 2019; xếp hạng thứ 51/63 tỉnh, thành phố, tăng 02 bậc so năm 2019.

Tháng 12/2021 (Từ 01/12/2021 đến 17/12/2021) có 17 DN đăng ký mới, giảm 20 DN so cùng kỳ (37DN), với vốn đăng ký 72 tỷ đồng, giảm 190 tỷ đồng so cùng kỳ (262 tỷ đồng). Số doanh nghiệp giải thể 6 DN, tăng 4 DN so cùng kỳ (2 DN). Ước năm 2021 có 360 DN đăng ký mới, giảm 160 DN so cùng kỳ, với vốn đăng ký 2.299,13 tỷ đồng, giảm 5.338,23 tỷ đồng so cùng kỳ. Số doanh nghiệp giải thể 75 DN, tăng 14 DN so cùng kỳ.

Tỉnh tiếp tục quan tâm phát triển kinh tế hợp tác. Đến cuối năm 2021, toàn tỉnh có 231 hợp tác xã (tăng 11 hợp tác xã so với cuối năm 2020) với tổng số 35.528 thành viên và tổng vốn hoạt động ước đạt 1.367,851 tỷ đồng; trong đó, có 206 hợp tác xã nông nghiệp (chiếm tỷ lệ 89,18%) và 25 hợp tác xã phi nông nghiệp (chiếm tỷ lệ 10,82%); có 1.336 tổ hợp tác (tăng 100 tổ hợp tác so với cuối năm 2020) với 31.707 thành viên (tăng 2.304 thành viên), trong đó có 1.316 tổ hợp tác trong lĩnh vực nông - lâm - ngư - diêm nghiệp và 20 tổ hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - thương mại.

6. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh năm 2021 tương đối thuận lợi về thời tiết, điều kiện sản xuất. Tuy nhiên, do dịch COVID-19 xuất hiện trong cộng đồng trên địa bàn tỉnh và các tỉnh vùng ĐBSCL trong quý III/2021 và có nhiều diễn biến phức tạp đến nay gây không ít khó khăn về tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thủy sản, giá sản phẩm, nông lâm nghiệp và thủy sản giảm so với cùng kỳ dẫn đến diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ mùa, đông xuân giảm.

6.1. Sản xuất nông nghiệp

6.1.1. Trồng trọt

a. Cây hằng năm

Cây lúa, niên vụ năm 2021, các địa phương trong tỉnh gieo trồng bốn vụ: lúa mùa, lúa đông xuân, lúa hè thu và thu đông với diện tích gieo trồng 327.826 ha (trong đó, lúa mùa 11.269 ha; lúa đông xuân 174.280 ha; lúa hè thu 141.191 ha và lúa thu đông 1.086 ha) giảm 7,31% so với năm 2020, bằng 25.861 ha. Hiện nay, toàn tỉnh đã thu hoạch xong 326.740 ha (gồm có, lúa mùa, lúa đông xuân và lúa hè thu, đạt 100% diện tích gieo trồng), không có diện tích bị thiệt hại mất trắng.

- Năng suất gieo trồng lúa cả năm 2021 ước tính 62,80 tạ/ha, tăng 3,99 tạ/ha so với năm 2020. Trong đó,

- Tính đến tháng 12/2021, tổng sản lượng thu hoạch bốn vụ lúa mùa, đông xuân, hè thu và thu đông là 2.058.725 tấn, giảm 1,02% so với cùng kỳ năm trước, bằng 21.220 tấn.

Một số cây hằng năm khác: Tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm khác 44.293 ha, giảm 11,34%, bằng 5.663 ha. Trong đó;

- Diện tích gieo trồng ngô (bắp) 2.213 ha, giảm 21,16% so với năm trước, bằng 594 ha (do luân canh cây trồng người dân chuyển sang trồng các loại cây

khác); năng suất bắp 43,51 tạ/ha; sản lượng đạt 9.629 tấn, giảm 18,85% so với năm trước, bằng 2.236 tấn.

- Diện tích gieo trồng cây mía 3.429 ha, giảm 40,3% so với năm trước, bằng 2.315 ha; năng suất cây mía 835,6 tạ/ha, giảm 6%, bằng 53,35 tạ/ha; sản lượng mía 286.528 tấn, giảm 43,89%, bằng 224.087 tấn. Sản xuất mía gặp nhiều khó khăn, thị trường tiêu thụ bắp bênh, giá mía ở mức thấp người trồng mía không có lãi nên các địa phương đều giảm diện tích, chuyển đổi sang trồng cây ăn trái, rau màu, nuôi trồng thủy sản ở các huyện Cù Lao Dung, Mỹ Tú, ...

- Diện tích gieo trồng rau các loại 27.341 ha, giảm 9,91% so với năm trước, bằng 3.008 ha do vụ đông xuân bị ảnh hưởng nắng hạn, giá rau cải các loại giảm, vụ hè thu ảnh hưởng dịch COVID-19 gặp khó khăn trong vận chuyển, tiêu thụ nên một số diện tích gieo trồng rau các loại giảm. Sản lượng rau các loại 413.880 tấn, giảm 10,29% so với năm trước, bằng 47.468 tấn. Tính đến 15/12/2021, có trên 3.000 ha diện tích rau, đậu các loại giảm do gặp khó khăn trong lưu thông, tiêu thụ hàng hóa, giá bán sản phẩm giảm,...vì ảnh hưởng của dịch COVID-19.

b. Cây lâu năm

Diện tích cây lâu năm hiện có của tỉnh 43.514 ha, tăng 3,36% so với năm trước, bằng 1.414 ha chủ yếu do chuyển đổi diện tích cây hằng năm sang trồng cây lâu năm. Trong đó, một số loại cây chủ yếu hiện có:

- Cây mít: diện tích hiện có 1.371 ha, tăng 83,26% so với năm trước, bằng 887 ha do chuyển dịch cơ cấu cây trồng từ những cây lâu năm kém hiệu quả sang. Diện tích trồng mới trong năm 689 ha, tăng 603 so với năm trước. Sản lượng mít 4.965 tấn, tăng 68,71% so với năm trước, bằng 2.022 tấn do tăng diện tích cho sản phẩm.

- Cây vú sữa: diện tích hiện có 1.615 ha, tăng 6,32% so với năm trước, bằng 96 ha do chuyển dịch cơ cấu cây trồng từ những cây lâu năm kém hiệu quả sang trồng cây vú sữa mang lại hiệu quả kinh tế hơn, hiện nay vú sữa đã xuất sang thị trường khó tính như Mỹ,...Diện tích trồng mới trong năm 193 ha, tăng 116 ha so với năm trước. Sản lượng vú sữa 9.062 tấn, tăng 3,17% so với năm trước, bằng 278 tấn do tăng diện tích cho sản phẩm.

- Cây xoài: diện tích hiện có 2.671 ha, tăng 23,31% so với năm trước, bằng 505 ha. Sản lượng xoài 23.860 tấn, tăng 9,46% so với năm trước, bằng 2.062 tấn, do diện tích trồng và diện tích cho sản phẩm tăng so với năm trước.

- Cây nhãn: diện tích hiện có 3.003 ha, giảm 15,46% so với năm trước, bằng 549 ha. Diện tích cây nhãn giảm do một số diện tích cây già cỗi, kém hiệu quả được dân chuyển sang trồng xoài, dứa,...Diện tích trồng mới trong năm 2021 giảm 111 ha. Sản lượng nhãn 18.420 tấn, giảm 15,67% so với năm trước, bằng 3.424 tấn chủ yếu do diện tích cho sản phẩm giảm 560 ha.

- Cam, quýt, chanh, bưởi và các loại quả có múi: diện tích hiện có 6.639 ha (cam 2.219 ha; quýt 184 ha; chanh 2.005 ha; bưởi 2.228 ha) giảm 12,30% so với năm trước, bằng 931 ha; trong đó, diện tích cam giảm 983 ha, quýt giảm 184 ha, bưởi giảm 332 ha, chanh tăng 571 ha. Diện tích trồng mới trong năm 2021 tăng nhiều ở diện tích chanh 500 ha, bưởi 178 ha; riêng diện tích trồng mới quýt giảm mạnh 150 ha so với năm trước. Sản lượng cây có múi năm 2021 là 48.077 tấn,

giảm 18,52%, bằng 10.924 tấn so với năm trước (trong đó, sản lượng cam 17.092 tấn, giảm 33,43%, bằng 8.584 tấn; sản lượng quýt 1.355 tấn, giảm 16,17%, bằng 262 tấn; sản lượng bưởi 11.954 tấn, giảm 20,09%, bằng 3.005 tấn).

- Cây dứa: diện tích hiện có 7.730 ha, tăng 6,24% so với năm trước, bằng 454 ha. Diện tích dứa tăng chủ yếu do chuyển đổi từ diện tích một số cây trồng khác và một số diện tích trồng cây hàng năm kém hiệu quả. Diện tích trồng mới trong năm 1.385 ha, tăng 734 ha so với năm trước. Sản lượng dứa năm 2021 là 41.695 tấn, giảm 3,28% so với năm trước, bằng 1.415 tấn, sản lượng dứa giảm do diện tích cho sản phẩm giảm.

- Cây chuối: diện tích hiện có 9.437 ha, tăng 0,89% so với năm trước, bằng 83 ha do chuyển dịch cơ cấu cây trồng từ những cây lâu năm kém hiệu quả sang và một số diện tích trồng trên bờ kênh, mương thủy lợi. Diện tích trồng mới trong năm 633 ha, tăng 197 ha so với năm trước. Sản lượng chuối 117.794 tấn, tăng 0,17% so với năm trước, bằng 205 tấn do tăng diện tích cho sản phẩm.

6.1.2. Chăn nuôi

Chăn nuôi năm 2021, cơ bản ổn định, tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm có xảy ra ở phạm vi nhỏ lẻ, bệnh dịch tả heo Châu Phi chưa khắc phục hoàn toàn đã làm ảnh hưởng đến người chăn nuôi, giá heo giống cao làm người dân ngại đầu tư tái sản xuất.

Đàn trâu toàn tỉnh có 2.640 con, vượt 14,78% kế hoạch năm 2021 (2.300 con), tăng 0,69% so với cùng kỳ năm trước, bằng 18 con. Số lượng trâu xuất chuồng năm 2021 là 440 con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng 154 tấn.

Đàn bò toàn tỉnh hiện có 53.500 con, đạt 97,27% kế hoạch năm 2021 (55.000 con), giảm 0,28% so với cùng kỳ năm trước, bằng 149 con. Toàn tỉnh có 5/11 huyện chăn nuôi bò sữa với 8.800 con, giảm 0,62% so với cùng kỳ năm trước, bằng 54 con (trong đó, ba địa phương có số lượng đàn bò sữa nhiều là Trần Đề, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên). Đàn bò sữa giảm chủ yếu ở hộ nuôi có quy mô nhỏ, hiệu quả kinh tế thấp do giá sữa không tăng trong khi giá vật tư, con giống,... tăng. Số lượng bò xuất chuồng năm 2021 là 10.830 con, tăng 4,99% so với năm trước, bằng 515 con; sản lượng 2.350 tấn, tăng 4,21%, bằng 95 tấn. Sản lượng sữa 14.100 tấn, giảm 2,08%, bằng 300 tấn.

Chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh những tháng đầu năm 2021 cơ bản ổn định, đàn heo tiếp tục hồi phục, các hộ nuôi đang tái đàn. Đàn heo thịt có 123.122 con, tăng 13,22% so với cùng kỳ, bằng 14.373 con. Tuy nhiên, trong các tháng 2, 6 và từ tháng 8-12/2021 dịch tả heo Châu Phi bùng phát và tính đến nay trên địa bàn tỉnh có 9/11 huyện, thị, thành phố xảy ra dịch với tổng số heo tiêu hủy 4.658 con, trọng lượng tiêu hủy 180,7 tấn. Ngoài ra, thị trường cung ứng con giống khan hiếm, giá con giống, thức ăn, thuốc ở mức cao,... nên chăn nuôi heo gặp nhiều khó khăn. Số con xuất chuồng năm 2021 là 294.220 con, tăng 10,49% so với năm trước, bằng 27.923 con. Sản lượng 28.740 tấn, tăng 12,25% so với năm trước, bằng 3.137 tấn.

Đàn gia cầm toàn tỉnh có 6.925 nghìn con, tăng 3,37% so với cùng kỳ năm trước, bằng 226 nghìn con (chủ yếu do tăng đàn vịt). Sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng 25.853 tấn, tăng 8,09% so với năm trước, bằng 1.934 tấn (do tăng sản

lượng gà đẻ trứng xuất chuồng); sản lượng trứng gia cầm 449.898 nghìn quả, giảm 6,09% so với năm trước, bằng 29.173 nghìn quả. Trong tổng số đàn gia cầm, đàn gà hiện có 4.835 nghìn con, chiếm 69,82% tổng đàn, giảm 4,11% so với cùng kỳ năm trước, bằng 207 nghìn con. Sản lượng thịt gà hơi xuất chuồng 18.013 tấn, tăng 6,48%, bằng 1.097 tấn. Sản lượng trứng 319.562 nghìn quả, giảm 9,97%, bằng 35.396 nghìn quả (chủ yếu giảm lượng trứng gà công nghiệp do gà đẻ già, năng suất thấp).

6.2. Lâm nghiệp

Từ đầu năm đến tháng 12 năm 2021, diện tích rừng sản xuất trồng mới tập trung 680 ha, giảm 18,32%, bằng 153 ha. Sản lượng gỗ khai thác của tỉnh 94.600 m³ các loại, giảm 4,03% so với năm trước, bằng 3.976 m³. Sản lượng củi khai thác 104.000 Ste, giảm 1,67% so với năm trước, bằng 1.762 Ste. Số cây lâm nghiệp trồng phân tán 4.250 ngàn cây, tăng 1,14% so với năm trước, bằng 48 ngàn cây.

Từ đầu năm đến tháng 12 năm 2021, trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ phá và cháy rừng.

6.3. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy ước tháng 12/2021 là 26.740 tấn, tính chung 12 tháng là 339.082 tấn, vượt 4,98% kế hoạch (323.000 tấn) và tăng 4,24% so với năm trước, bằng 13.788 tấn (chủ yếu do tăng sản lượng tôm thẻ nuôi thâm canh, bán thâm canh, tôm sú, cá tra nuôi thâm canh,...). Trong ba nhóm sản phẩm chính, sản lượng cá ước 136.242 tấn, giảm 9,30% so với năm trước, bằng 13.973 tấn, chủ yếu do giảm sản lượng cá các loại (riêng sản lượng cá tra nuôi thâm canh tăng 5,64% so với năm trước, bằng 785 tấn); Sản lượng tôm ước 189.746 tấn, vượt 6,06% kế hoạch năm (178.900 tấn), tăng 17,07% so với năm trước, bằng 27.664 tấn (trong đó, sản lượng tôm nuôi trồng 183.200 tấn, tăng 17,80% so với năm trước, bằng 27.682 tấn); Sản lượng thủy sản khác 13.094 tấn, tăng 0,74%, bằng 97 tấn (chủ yếu tăng sản lượng ốc, cua...).

Sản lượng khai thác thủy sản tháng 12/2021 ước 5.424 tấn, tăng 1,25% so với tháng cùng kỳ; tính chung 12 tháng năm 2021 là 67.825 tấn, đạt 93,68% kế hoạch năm 2021 (72.400 tấn) và tăng 1,25% so với năm trước, bằng 838 tấn. Chia ra, sản lượng khai thác thủy sản biển 62.530 tấn, đạt 97,02% kế hoạch (64.450 tấn) và tăng 1,34% so với năm trước, bằng 828 tấn; sản lượng khai thác thủy sản nội địa 5.295 tấn, đạt 66,6% kế hoạch (7.950 tấn), tăng 0,19% so với năm trước, bằng 10 tấn.

Sản lượng nuôi trồng thủy sản ước tháng 12/2021 là 21.316 tấn; tính chung 12 tháng 271.257 tấn, tăng 5,01% so với năm trước, bằng 12.950 tấn (trong đó, sản lượng cá 86.567 tấn, giảm 14,81%; tôm 183.200 tấn, tăng 17,8%; thủy sản khác 1.490 tấn, tăng 27,3%). Trong 03 nhóm sản phẩm chủ yếu thì sản lượng tôm nuôi trồng tăng 27.682 tấn so với năm trước (trong đó, sản lượng tôm sú ước 24.200 tấn, tăng 6,81%, bằng 1.542 tấn do năng suất thu hoạch tôm nuôi thâm canh, bán thâm canh cao hơn so với năm trước; sản lượng tôm thẻ chân trắng 159.000 tấn, tăng 19,67%, bằng 26.140 tấn do diện tích thu hoạch tôm siêu thâm canh tăng so với năm trước).

Diện tích nuôi trồng thủy sản ước năm 2021 là 76.765 ha, vượt 3,74% kế hoạch (74.000 ha) và tăng 0,65% so với năm trước, bằng 495 ha. Trong đó, diện tích nuôi cá 21.538 ha, giảm 4,93% so với năm trước, bằng 1.116 ha (diện tích nuôi cá tra công nghiệp tăng 31 ha; diện tích cá các loại khác giảm 1.147 ha); diện tích nuôi tôm 52.470 ha, tăng 1,46%, bằng 757 ha (tôm sú 12.900 ha, giảm 8,3%, bằng 1.168 ha do một số diện tích chuyển sang nuôi tôm thẻ chân trắng; tôm thẻ chân trắng 39.570 ha, tăng 5,11%, bằng 1.925 ha do từ tháng 5 đến tháng 7 tiến độ thả nuôi tôm thẻ tăng và có thêm một số diện tích nuôi tôm sú chuyển sang).

Diện tích thu hoạch thủy sản ước năm 2021 là 62.339 ha (trong đó, diện tích thu hoạch cá tra nuôi thâm canh 42 ha; tôm 40.475 ha, giảm 1,074 ha so năm trước chủ yếu do giảm diện tích thu hoạch tôm sú).

Diện tích thiệt hại nuôi thủy sản tính đến ngày 12/12/2021 là 3.280 ha, giảm 24,93% so năm trước (tôm sú 659 ha; tôm thẻ chân trắng 2.621 ha).

7. Phát triển nông thôn

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh; các ngành, các cấp phát động phong trào thi đua “Sóc Trăng chung sức xây dựng nông thôn mới” năm 2021. Kết quả năm 2021, Tỉnh có thêm thị xã Vĩnh Châu được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, 08 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và 08 xã đạt bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao; các xã còn lại đạt từ 15 tiêu chí, mỗi xã bình quân đạt 18-21 tiêu chí (tăng 0,35 tiêu chí so với năm 2020). Lũy kế đến cuối năm, toàn tỉnh có 03/10 huyện, thị xã đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; 58/80 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (vượt 5,45% chỉ tiêu Nghị quyết), trong đó có 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Chương trình Mỗi xã một sản phẩm – OCOP tiếp tục được quan tâm thực hiện. Tỉnh đã tổ chức họp Hội đồng đánh giá xếp hạng sản phẩm OCOP tỉnh đợt I năm 2021, kết quả có 04 sản phẩm đạt chứng nhận 4 sao và 36 sản phẩm đạt 3 sao; lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh có 139 sản phẩm OCOP được chứng nhận từ 3 sao đến 4 sao (trong đó, có 28 sản phẩm 4 sao, 111 sản phẩm 3 sao) và 01 sản phẩm (gạo ST 24) được công nhận sản phẩm OCOP quốc gia.

8. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2021 với kỳ vọng phát triển mạnh công nghiệp có lợi thế là chế biến thủy, hải sản, các ngành hàng khai thác thế mạnh nguyên vật liệu tại địa phương, sản xuất điện gió,... Trong 6 tháng đầu năm 2021, sản xuất công nghiệp của tỉnh tăng trưởng nhanh. Tuy nhiên, khi bệnh COVID-19 xuất hiện trong cộng đồng trên địa bàn tỉnh vào đầu tháng 7/2021 và có diễn biến phức tạp đến nay đã tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở, doanh nghiệp. Chỉ số sản xuất công nghiệp quý III/2021 giảm gần 20% so cùng kỳ. Trong thời gian này, phần lớn doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể tạm ngưng hoạt động hoặc sản xuất kinh doanh cầm chừng; các doanh nghiệp chế biến thủy sản đã buộc phải thu hẹp sản xuất theo phương án “3 tại chỗ”, một số doanh nghiệp đã phải tạm ngưng hoạt động sản xuất kinh doanh để phòng, chống dịch bệnh.

Đến trung tuần tháng 9/2021, tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh cơ bản đã được kiểm soát; tuy nhiên, đến đầu tháng 10/2021 làn sóng người lao động từ các tỉnh, thành phố ồ ạt trở về quê, tiềm ẩn nguy cơ bùng phát dịch bệnh tại địa phương; trong tháng 10/2021 cũng đã xuất hiện chùm ca bệnh tại một công ty chế biến thủy sản. Các doanh nghiệp đều phải tăng cường thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh nên hoạt động sản xuất, kinh doanh quý IV/2021 có phục hồi nhưng chậm so với kỳ vọng. Chỉ số sản xuất, giá trị sản xuất công nghiệp tăng thấp so với cùng kỳ.

Chỉ số sản xuất công nghiệp ước tháng 12/2021 giảm 1,34% so với tháng trước và tăng 6,12% so với cùng kỳ. Ước thực hiện quý IV/2021 giảm 2,04% so quý trước và tăng 5,1% so quý cùng kỳ năm trước.

Ước năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 0,29%. Đây là mức tăng thấp nhất trong 4 năm gần đây (năm 2018 tăng 6,83%, năm 2019 tăng 7,86%; năm 2020 tăng 16,27%); trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo chỉ tăng 0,27% (cùng kỳ năm trước tăng 16,86%); chế biến thực phẩm giảm 0,28%; chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản giảm 0,34%; sản xuất trang phục giảm 8,16%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 1,69%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,2%.

Theo kết quả khảo sát xu hướng sản xuất kinh doanh đối với một số doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo thuộc mẫu khảo sát, các doanh nghiệp nhận định tình hình sản xuất kinh doanh quý IV/2021 giảm nhẹ so quý III/2021 (tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khối lượng sản xuất, số lượng đơn đặt hàng mới đều giảm). Trong khi đó, chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm chính, giá bán bình quân trên một đơn vị sản phẩm, số lượng lao động bình quân đều có xu hướng tăng so với quý III/2021.

Đối với quý I/2022, đa số doanh nghiệp nhận định tình hình sản xuất kinh doanh có xu hướng phục hồi tốt, có 52% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tăng. Các chỉ số cân bằng về tình hình sản xuất kinh doanh, khối lượng sản xuất, số lượng đơn đặt hàng mới, số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới đều tăng; các chỉ số cân bằng về khối lượng thành phẩm tồn kho, khối lượng nguyên vật liệu tồn kho, chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm chính, giá bán bình quân trên một đơn vị sản phẩm, số lượng lao động bình quân đều có xu hướng giảm so với quý IV/2021.

9. Thương mại, dịch vụ

a. Bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và dịch vụ khác

Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và dịch vụ khác tháng 12/2021 là 4.257 tỷ đồng, tăng 4,39% so với tháng trước (trong đó, bán lẻ hàng hóa tăng 3,87%; hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, dịch vụ lữ hành tăng 2,21%; dịch vụ khác tăng 16,58%) và tăng 4,86% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Ước tính quý IV/2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và dịch vụ khác 12.087 tỷ đồng, tăng 17,87% so với quý trước (trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 15,21%, hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 27,51%, dịch vụ khác tăng 37,34%) và tăng 0,69% so với quý cùng kỳ. Tổng mức

bán lẻ hàng hóa và doanh thu các hoạt động dịch vụ trong quý tăng so với quý trước chủ yếu do: (1) giá một số mặt hàng lương thực, thực phẩm, vật liệu xây dựng, xăng, dầu và kim loại tăng trong quý; (2) các hoạt động bán lẻ, lưu trú, ăn uống và dịch vụ khác được duy trì hoạt động có điều kiện theo từng vùng; (3) doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ quý III/2021 giảm mạnh do tác động của dịch COVID-19 xuất hiện trong cộng đồng trên địa bàn tỉnh và có nhiều diễn biến phức tạp trong quý III/2021 (toàn tỉnh thực hiện 2 đợt giãn cách xã hội, nhiều hoạt động dịch vụ vui chơi giải trí tạm dừng; doanh thu hoạt động thương mại, dịch vụ, ăn uống giảm mạnh).

Ước tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2021 là 51.673 tỷ đồng, tăng 7,64% so với năm 2020 (trong đó, bán lẻ hàng hóa tăng 11,39%; dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 10,23%) chủ yếu do doanh thu thực hiện những tháng đầu năm 2021 tăng khá. Mặt khác, giá một số mặt hàng như: xăng, dầu, kim loại quý, giá vật liệu xây dựng, giá vàng trong năm tăng đã góp phần làm cho doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng. Ngoài ra, tuy chịu ảnh hưởng dịch COVID-19 nhưng nhìn chung các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã có những cách thức kinh doanh phù hợp để duy trì hoạt động, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nên doanh thu bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2021 trên địa bàn tỉnh vẫn tăng so với cùng kỳ. Tuy nhiên, do tác động của dịch COVID-19 doanh thu hoạt động dịch vụ giảm mạnh.

b. Xuất, nhập khẩu

Hoạt động xuất khẩu hàng hóa tiếp tục là điểm sáng trong năm 2021 với tổng kim ngạch đạt 1 tỷ 280 triệu USD, vượt 28% kế hoạch, tăng 14,8% so với năm 2020; trong đó, xuất khẩu thủy sản 1.030 triệu USD (tăng 22,91%), xuất khẩu gạo 213 triệu USD (tăng 26,79%). Kim ngạch nhập khẩu năm 2021 đạt 290 triệu USD, tăng 51,04% so với năm 2020.

c. Giao thông vận tải

Tỉnh Sóc Trăng tiếp tục thực hiện Quy định tạm thời các biện pháp hành chính “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” theo từng cấp độ dịch áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định hoạt động lưu thông, vận chuyển hàng hóa nội tỉnh, liên tỉnh vùng xanh, vùng vàng được hoạt động có điều kiện; hoạt động vận tải hành khách công cộng đường bộ, đường thủy nội địa liên tỉnh được hoạt động theo quy định, do đó, hoạt động vận tải rất hạn chế, lượng hành khách, hàng hóa vận tải tăng không đáng kể.

Doanh thu vận tải hành khách, hàng hóa, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải trên địa bàn tỉnh ước tháng 12/2021 là 82,68 tỷ đồng, tăng 8,42% so với tháng trước (trong đó, vận tải hành khách tăng 55,39% và vận tải hàng hóa tăng 5,58%). So với tháng cùng kỳ năm trước giảm 29,38% (trong đó, doanh thu vận tải hành khách 6,62 tỷ đồng, giảm 86,04%; doanh thu vận tải hàng hóa 74,23 tỷ đồng, tăng 9,17%; doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải 1,83 tỷ đồng, tăng 8,76%). Ước quý IV/2021, doanh thu vận tải hành khách, hàng hóa, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 228,47 tỷ đồng, tăng 33,27% so với quý trước và giảm 33,75% so với quý cùng kỳ năm trước. Ước năm 2021, doanh thu vận tải hành khách, hàng hóa, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 1.089,1 tỷ đồng, giảm 13,21% so với năm trước (trong

đó, doanh thu vận tải hành khách 327,69 tỷ đồng, giảm 38,62%; doanh thu vận tải hàng hóa 742,97 tỷ đồng, tăng 5,67%; doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải 18,44 tỷ đồng, tăng 3,58%).

- Vận tải đường bộ: ước doanh thu thực hiện tháng 12/2021 là 59,31 tỷ đồng, tăng 9,99% so với tháng trước (trong đó, doanh thu vận tải hành khách tăng 55,85% và vận tải hàng hóa tăng 6,16%). So với tháng cùng kỳ năm trước giảm 37,71% (trong đó, doanh thu vận tải hành khách 6,48 tỷ đồng, giảm 86,1%; doanh thu vận tải hàng hóa 52,83 tỷ đồng, tăng 8,64%). Ước quý IV/2021, doanh thu 161,92 tỷ đồng, tăng 26,7% so với quý trước và giảm 42,28% so với quý cùng kỳ năm trước. Ước năm 2021, doanh thu vận tải đường bộ 850,46 tỷ đồng, giảm 16,19% so với năm trước (vận tải hành khách giảm 38,62%; hàng hóa tăng 7,85%).

- Vận tải đường thủy nội địa: ước doanh thu thực hiện tháng 12 năm 2021 là 21,54 tỷ đồng, tăng 4,33% so với tháng trước và tăng 6,73% so với tháng cùng kỳ năm trước (trong đó, doanh thu vận tải hành khách 0,14 tỷ đồng, giảm 82,59%; doanh thu vận tải hàng hóa 21,4 tỷ đồng, tăng 10,51%). Ước quý IV/2021, doanh thu 61,46 tỷ đồng, tăng 53,61% so với quý trước (doanh thu vận tải hàng hóa 209,8 tỷ đồng, tăng 51,2%) và tăng 3,51% so với quý cùng kỳ năm trước. Ước năm 2021, doanh thu vận tải đường thủy 220,2 tỷ đồng, giảm 0,93% so với năm trước (vận tải hành khách giảm 39,02%; hàng hóa tăng 0,66%).

- Số lượt hành khách vận chuyển tháng 12/2021 ước đạt 235 nghìn hành khách, tăng 52,6% so với tháng trước do trong tháng hoạt động vận tải hành khách công cộng được hoạt động đi đến trong vùng xanh và vùng vàng nội tỉnh, liên tỉnh; tuy nhiên, lượng hành khách vẫn còn rất ít và chủ yếu di chuyển trong nội tỉnh. So với tháng cùng kỳ năm trước giảm 86,39% (trong đó, đường bộ 209 nghìn hành khách, giảm 86,73%; đường thủy nội địa 26 nghìn hành khách, giảm 82,84%). Ước quý IV/2021, số lượt hành khách vận chuyển 487 nghìn hành khách, giảm 51,3% so với quý trước và giảm 90,57% so với quý cùng kỳ năm trước. Ước năm 2021, số lượt hành khách vận chuyển 11.685 nghìn lượt khách, giảm 39,06% so với năm trước.

- Số lượt hành khách luân chuyển tháng 12/2021 ước tính đạt 13.851 nghìn HK.km, tăng 53,48% so với tháng trước và giảm 86,6% so với tháng cùng kỳ năm trước. Ước quý IV/2021, số lượt hành khách luân chuyển 28.788 nghìn HK.km, giảm 51,77% so với quý trước và giảm 90,71% so với quý cùng kỳ năm trước. Ước năm 2021, số lượt hành khách luân chuyển 699.063 nghìn lượt khách, giảm 39,27% so với năm trước.

- Số lượng hàng hóa vận chuyển tháng 12/2021 ước đạt 3.297 nghìn tấn, tăng 5,5% so với tháng trước và tăng 8,93% so với tháng cùng kỳ năm trước. Ước quý IV/2021, khối lượng hàng hóa vận chuyển 9.306 nghìn tấn, tăng 52,88% so với quý trước và tăng 5,62% so với quý cùng kỳ năm trước. Ước năm 2021, số lượng hàng hóa vận chuyển 33.123 nghìn tấn, tăng 5,01% so với năm trước.

- Luân chuyển hàng hóa tháng 12/2021 ước đạt 67.670 nghìn T.km, tăng 6,02% so với tháng trước và tăng 8,89% so với tháng cùng kỳ năm trước. Ước quý IV/2021, khối lượng hàng hóa luân chuyển 190.487 nghìn T.km, tăng 54,77% so

với quý trước và tăng 5,99% so với quý cùng kỳ năm trước. Ước năm 2021, số lượng hàng hóa luân chuyển 669.775 nghìn tấn.km, tăng 5,19% so với năm trước.

10. Các vấn đề xã hội

a. Dân số, lao động, việc làm và hoạt động chính sách xã hội

Dân số trung bình tỉnh Sóc Trăng năm 2021 ước tính 1.206.819 người, tăng 11.078 người, tương đương tăng 0,93% so với năm 2020. Trong tổng dân số, khu vực thành thị 391.396 người, chiếm 32,43%; nông thôn 815.423 người, chiếm 67,57%; dân số nam 601.419 người, chiếm 49,84%, dân số nữ 605.400 người, chiếm 50,16%.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2021 ước tính là 642.015 người, tăng 105 người so với năm trước, trong đó: Lao động nam 379.495 người, chiếm 59,11% tổng số và lao động nữ 262.520 người, chiếm 40,89%; khu vực thành thị 199.088 người, chiếm 31,01%; nông thôn 442.927 người, chiếm 68,99%.

Lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc năm 2021 ước tính 616.329 người, bao gồm 276.670 người đang làm việc ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 4,92% so với năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng 135.838 người, giảm 4,89%; khu vực dịch vụ 203.821 người, giảm 8,65%.

Trong năm 2021, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho 14.383 lao động (đạt 53,27% kế hoạch), giảm 43,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 89 người (đạt 29,66% kế hoạch), giảm 54,12% so với cùng kỳ năm trước.

Về giáo dục nghề nghiệp, trong năm ước thực hiện tuyển sinh, đào tạo được 13.068 người (đạt tỷ lệ 100,52% so với kế hoạch năm). Tổng số tốt nghiệp được 11.900 người, trong đó trình độ cao đẳng là 350 người, trung cấp là 250 người, sơ cấp là 4.181, dưới 3 tháng là 5.727 người, đào tạo thường xuyên là 1.392 người (đạt 91,54% so với tổng số tuyển sinh).

Trong năm đã trợ cấp cho 45.107 đối tượng bảo trợ xã hội với kinh phí thực hiện hơn 195 tỷ đồng; hỗ trợ chi phí mai táng cho 3.506 gia đình đối tượng bảo trợ xã hội, người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội và các đối tượng đang hưởng trợ cấp hàng tháng khác, với tổng kinh phí hơn 18,9 tỷ đồng; thực hiện hỗ trợ trợ cấp đột xuất cho 240 hộ thiếu đói; 86 hộ bị thiệt hại về nhà ở bị đổ, hỏa hoạn gây thiệt hại về nhà ở, với tổng số tiền trợ giúp 246 triệu đồng. Tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 15/12/2021, tỉnh đã hỗ trợ hơn 328 tỷ đồng cho người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

b. Giáo dục

Công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục được quan tâm, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT, thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng hàng năm đều tăng, trong đó tỷ lệ đỗ tốt nghiệp kỳ thi THPT Quốc gia 2021 (kê cả phúc khảo và đặc cách đợt 2) đạt 99,55% (trong đó GDPT đạt 99,82%; GDTX đạt 92,92%). Công tác chuẩn bị và tổ chức các nhiệm vụ năm học mới được đảm bảo; tổng số học sinh các cấp huy động tính đến thời điểm ngày 15/12/2021 là 254.902 HS (đạt 92,1% kế hoạch). Tỷ lệ huy động trẻ em, học sinh đi học đúng độ tuổi các cấp học chưa đạt

chỉ tiêu kế hoạch, trong đó tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến nhà trẻ là 8,0%; mẫu giáo là 64,4%; cấp tiểu học 97,4%; cấp THCS 91,7%, cấp THPT là 69,8%;

Do tình hình dịch bệnh COVID-19 còn diễn biến phức tạp, chưa đảm bảo an toàn hiện học sinh đang học trực tuyến và qua truyền hình. Dự kiến học sinh lớp 10, 11, 12 đến trường học trực tiếp từ ngày 4/1/2022, học sinh lớp 6, 7, 8, 9 đến trường từ ngày 10/1/2022, học sinh tiểu học và mẫu giáo có thể đến trường học trực tiếp từ ngày 14/2/2022, nhà trẻ tiếp tục dừng cho đến khi tình hình dịch COVID-19 được kiểm soát.

Tính đến tháng 12/2021 toàn tỉnh có 351/467 trường công lập đạt chuẩn Quốc gia.

c. Y tế

Tình hình dịch COVID-19, tính từ ngày 27/4/2021 đến 15 giờ ngày 22/12/2021, có 28.632 trường hợp mắc, trong đó có 22.634 trường hợp đã được chữa khỏi bệnh và 260 trường hợp tử vong.

Hoạt động tiêm vắc xin phòng COVID-19 đến ngày 22/12/2021, tỷ lệ dân số trên 18 tuổi được tiêm ít nhất 1 mũi là 97,1%; tỷ lệ dân số trên 18 tuổi được tiêm đủ 2 mũi 90%; tỷ lệ trẻ em từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi được tiêm ít nhất 1 mũi là 99,1%; tỷ lệ trẻ em từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi được tiêm đủ 2 mũi là 80,1%.

Tính đến ngày 12/12/2021, toàn tỉnh ghi nhận 261 ca mắc sốt xuất huyết, giảm 219 ca so cùng kỳ năm 2020 và 715 ca mắc tay chân miệng, tăng 123 ca so với cùng kỳ năm 2020, không phát hiện trường hợp mắc sốt rét.

Công tác khám và điều trị bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng bảo hiểm y tế được thực hiện tốt. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, tính từ đầu năm đến nay, chỉ ghi nhận 01 vụ có 04 người ngộ độc thực phẩm, trong đó có 01 trường hợp tử vong.

d. Văn hóa, thể dục thể thao

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và du lịch được tổ chức trên tinh thần vui tươi, lành mạnh, an toàn và tiết kiệm tạo không khí thi đua sôi nổi góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, do dịch bệnh COVID-19, nhiều hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch... đã tạm dừng không tổ chức theo kế hoạch đề ra.

Trong năm, Đoàn Nghệ thuật Khmer tỉnh tổ chức biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị 14 suất với trên 2.500 lượt người xem; triển khai thực hiện Đề án “Tổ chức Cuộc thi, Liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp giai đoạn 2021 - 2030”; tham gia “Liên hoan Ca, Múa, Nhạc toàn quốc – 2021”; thực hiện đăng 54 tiết mục và 03 vở diễn Dù kê trên kênh Youtube; tổ chức ghi hình 06 tiết mục phát sóng trên kênh Youtube nhằm phục vụ bà con đồng bào Khmer trong dịp lễ Sene Đol ta.

Phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình Sóc Trăng thu hình 03 chương trình ca nhạc để phát sóng phục vụ bà con vùng đồng bào Khmer Nam bộ (02 chương trình nghệ thuật dân tộc và 01 chương trình ca nhạc chủ đề tuyên truyền bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026) và xây dựng 02 tác phẩm mới với nội dung tuyên truyền phòng chống dịch COVID-19,...

Phong trào thể dục, thể thao tiếp tục được duy trì và phát triển. Trong 04 tháng đầu năm 2021, đã tổ chức 03 giải thể thao trong tỉnh, tham dự 08 giải trong hệ thống thi đấu quốc gia. Kết quả, đạt 44 huy chương: 14 huy chương vàng, 16 huy chương bạc, 14 huy chương đồng. Tổ chức Lễ phát động Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021 – 2030 và ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân tỉnh Sóc Trăng năm 2021. Do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh COVID-19, các hoạt động thể dục thể thao tạm dừng không tổ chức từ tháng 5 đến nay.

e. Trật tự an toàn xã hội, tai nạn giao thông và cháy nổ

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trật tự xã hội trong tháng 12 phát hiện 27 vụ (trong đó 07 vụ trộm cắp), làm rõ 23 vụ, xử lý 51 đối tượng.

Trong tháng 12 (từ ngày 15/11-14/12/2021) trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 15 vụ tai nạn giao thông, làm chết 11 người, bị thương 14 người. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông tăng 07 vụ, số người chết tăng 03 người, số người bị thương tăng 09 người. Tính chung trong năm 2021, trên địa bàn xảy ra 126 vụ tai nạn giao thông (tăng 05 vụ so với cùng kỳ năm trước), làm chết 92 người (giảm 01 người so với cùng kỳ năm trước), bị thương 96 người (tăng 01 người so với cùng kỳ năm trước).

Công tác phòng, chống cháy nổ được đảm bảo. Trong tháng, trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ cháy nổ nào. Tính chung trong năm 2021, trên địa bàn tỉnh xảy ra 03 vụ cháy, nổ làm chết 03 người, tổng thiệt hại 8.072,95 triệu đồng./.

Nơi nhận:

- TCTK (Vụ TKTH);
- VP Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH;
- HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- CA Sóc Trăng (Đội 1 CA KT; PA81);
- Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh;
- Cục thuế tỉnh;
- BHXH tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Các đơn vị thuộc CTK;
- Lưu (LĐ, TH, LT).



Dương Hoàng Sals